GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG SẢN PHẨM CHĂN NUÔI AN TOÀN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Phạm Hiền
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Email: dinhphamhien@gmail.com

Mã bài: JED - 910
Ngày nhận bài: 15/09/2022
Ngày nhận bài sửa: 08/01/2023
Ngày duyệt đăng: 22/01/2023

Tóm tắt
Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển các chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn của thành phố Hà Nội. Từ nguồn thông tin có sẵn của của 46 chuỗi và nghiên cứu tình huống tại 6 chuỗi cho thấy: Số lượng các chuỗi tăng nhanh, một số ít đã thành công nhưng phần lớn còn nhiều bất cập như quy mô chuỗi nhỏ, mức độ đáp ứng nhu cầu thấp, các chứng nhận theo quy định còn ít và chưa hệ thống, chủ yếu giao dịch trên thị trường tự do, thông tin chuỗi không rõ ràng. Các yếu tố ảnh hưởng gồm tổ chức chuỗi, quan hệ giữa các tác nhân, khách hàng và chính sách hỗ trợ của thành phố. Một số giải pháp được đề xuất: Hoàn thiện việc xây dựng chuỗi, tăng cường phối hợp giữa các tác nhân, thu hút thêm khách hàng và triển khai các chính sách hỗ trợ kịp thời, phù hợp.
Từ khóa: *Chuỗi cung ứng, Sản phẩm chăn nuôi an toàn, Thành phố Hà Nội.*
Mã JEL: *Q13, M1.*

Solutions for the development of supply chains of safe livestock products in Hanoi

Abstract:
The study aims to assess the current situation and propose solutions to develop the supply chains of Hanoi city's safe livestock products. The secondary data of 46 chains and case studies of six chains show that: The number of chains has increased rapidly, and a few have succeeded, but most of them still have many shortcomings, such as small chain size, low level of demand response, regulatory certifications are few and not systematic, mainly traded on the free market, chain information is not clear. Influencing factors include chain organization, relationships between actors, customers, and the city's support policies. Some solutions are suggested: Improving the building chains, strengthening the coordination among actors, attracting customers, and implementing timely and appropriate support policies.
Keywords: *Supply chain, safe livestock product, Ha Noi city.*
JEL Codes: *Q13, M1.*

1. Đặt vấn đề

Một trong những nét nổi bật của thành phố Hà Nội là ngành chăn nuôi phát triển mạnh nên đã chiếm tới 54,1% giá trị sản xuất nông nghiệp (Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, 2020). Tuy đã đạt nhiều thành công nhưng cũng có những bất cập, trong đó bất cập nhất là hầu hết gia súc, gia cầm được giết mổ và tiêu thụ trên thị trường tự do qua các chợ dân sinh nên không truy xuất được nguồn gốc. Nhằm giải quyết vấn

đề thì từ năm 2015 Thành phố Hà Nội đã quyết định hỗ trợ xây dựng các chuỗi cung ứng (CCU) sản phẩm chăn nuôi an toàn (Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, 2015). Đầu năm 2016 bắt đầu triển khai hỗ trợ 11 CCU, đến năm 2020 Thành phố đã có 46 chuỗi (Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, 2021). Tuy số lượng CCU tăng lên nhưng quy mô các chuỗi rất nhỏ bé, số lượng sản phẩm cung ứng ít, chất lượng thấp, tổ chức quản lý chưa hoàn thiện, thông tin một số chuỗi chưa rõ ràng. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy các CCU sản phẩm chăn nuôi an toàn của thành phố Hà Nội. Nghiên cứu tập trung vào các chuỗi có nguồn gốc từ ngành chăn nuôi của Hà Nội không nghiên cứu các chuỗi từ chăn nuôi của các địa phương khác.

2. Tổng quan nghiên cứu

Chuỗi cung ứng toàn cầu đã có sự thay đổi lớn qua nhiều năm, các khái niệm cũng khác nhau. Theo Crandall & cộng sự (2015), Blume Global (2023), Mentzer & cộng sự (2001), Nguyễn Thành Hiếu (2015a & 2015b) thì CCU thể hiện sự hợp tác giữa các đơn vị kinh doanh để đưa sản phẩm và dịch vụ ra thị trường thông qua việc tập hợp các đơn vị thành một chuỗi từ cung ứng nguyên liệu, sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Các bên tham gia được gọi là những tác nhân của chuỗi, có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng. Theo Trần Hữu Cường (2012) thì CCU là một hệ thống thể hiện dòng vật chất và dòng thông tin đi qua các tác nhân. Chuỗi cung ứng là sự liên kết các bên để đưa sản phẩm dịch vụ vào thị trường. Theo Ar Acking (2021) thì chuỗi cung ứng là một chức năng chiến lược và hậu cần liên quan đến tất cả các hoạt động quan trọng để đảm bảo sản phẩm hoặc hàng hóa đến được tới khách hàng cuối cùng. Tóm lại, CCU là sự tập hợp các bên liên quan trực tiếp và gián tiếp tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Các bên tham gia CCU gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau thông qua dòng vật chất từ người sản xuất đến người sử dụng và dòng thông tin phản hồi theo chiều ngược lại.

Luật chăn nuôi quy định cụ thể về sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam (Quốc hội, 2018). Sản phẩm chăn nuôi (SPCN) an toàn được cung ứng từ các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học (Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2015). Như vậy, CCU sản phẩm chăn nuôi an toàn liên quan đến cung cấp đầu vào, chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, bảo quản, phân phối sản phẩm có xuất xứ từ các cơ sở chăn nuôi an toàn .

Các đặc trưng của CCU là: Có nhiều công đoạn với nhiều tác nhân tham gia nên liên quan tới quy định tổ chức, mỗi chuỗi đều có dòng vật chất và dòng thông tin nhưng biểu hiện lại khác nhau, mỗi đơn vị đều nỗ lực vì mục tiêu chung (Trần hữu Cường, 2012). Tác giả nghiên cứu này bổ sung thêm là CCU sản phẩm chăn nuôi luôn gắn với yếu tố sinh học, sản phẩm dễ hư hỏng, khó vận chuyển, phải tuân thủ quy định môi trường và an toàn thực phẩm.

Các yếu ảnh hưởng tới CCU gồm: tổ chức các hoạt động của chuỗi (cung ứng, sản xuất, tồn kho, vị trí, vận chuyển, thông tin), sự hợp tác giữa các tác nhân, nhu cầu của khách hàng, chính sách thể chế (Hugos, 2011; Huỳnh Thị Thu Sương, 2012). Các yếu tố có thể ảnh hưởng tích cực hoặc hạn chế sự phát triển của chuỗi. Để chuỗi không bị đứt gãy thì cần có sự cân đối, hiệu quả, phối hợp, linh hoạt và minh bạch. Muốn vậy thì mỗi chuỗi cần có một đơn vị chủ trì để điều hành các tác nhân khác.

Các tác giả trong và ngoài nước đã có các nghiên cứu về CCU, CCU chăn nuôi, CCU thực phẩm với phương pháp định tính, định lượng hoặc kết hợp (Ni & Chen, 2019; Prasetyani & cộng sự, 2021; Rikolto Worldwide, 2021; Nguyễn Văn Phương, 2016; Lương Minh Cường & Đỗ Kim Chung, 2017; Nguyễn Thị Bích Ngọc, 2015; Đặng Thu Hương, 2019; Trương Đình Chiến, 2020; Đào Thế Anh & cộng sự, 2020; Nguyễn Bảo Ngọc, 2021). Với Hà Nội, đã có một số nghiên cứu liên quan (Rikolto Worldwide, 2021; Trương đình Chiến, 2020). Đào Thế Anh & cộng sự (2020) và Nguyễn Bảo Ngọc (2021) sử dụng phương pháp định tính nhưng chỉ đề cập tới CCU thực phẩm hoặc CCU sản phẩn nông nghiệp mà không nghiên cứu trực tiếp CCU sản phẩm chăn nuôi an toàn. Như vậy, khoảng trống cần nghiên cứu với Hà Nội là rất lớn nên nghiên cứu của tác giả sẽ không bị trùng lặp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính nhằm chủ yếu vào những vấn đề thực tiễn đặt ra với Hà Nội. Các nội dung liên quan được nêu tổng quát trong khung nghiên cứu.

Hình 1. Khung nghiên cứu

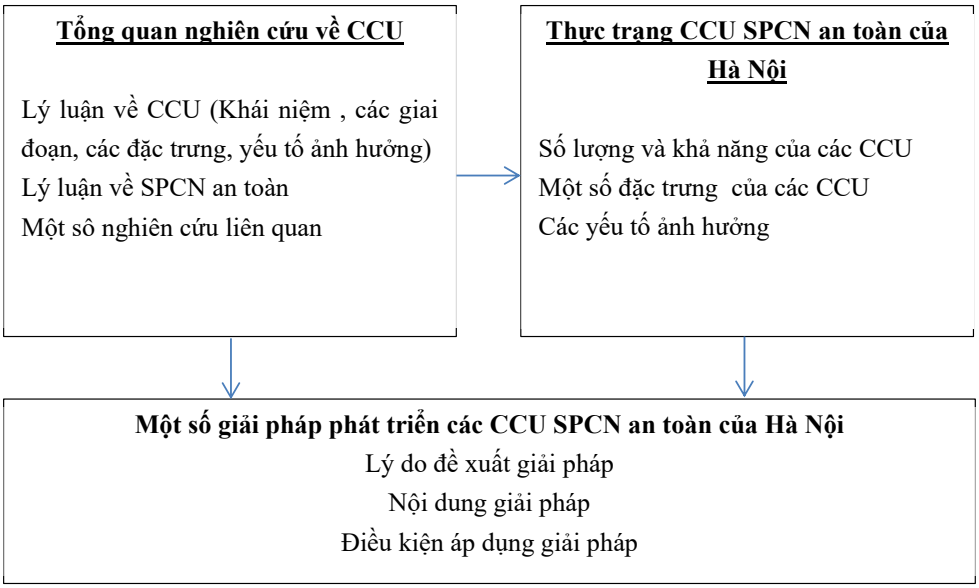

Các đánh giá chung được thực hiện với tất cả các CCU trong danh sách do các cơ quan quản lý cung cấp. Nghiên cứu tình huống được thực hiện với 6 chuỗi là Chuỗi A-Z, thực phẩm Organic Green, thịt lợn sạch Phúc Thọ, gà đồi Ba Vì, thực phẩm Tiên Viên, sữa Ba Vì. Đây là 6 chuỗi nằm trong 11 chuỗi xây dựng đầu tiên từ năm 2016 theo chủ trương xây dựng CCU của Thành phố Hà Nội. Trong số này có 02 chuỗi loại khá, 02 chuỗi loại trung bình, và 02 chuỗi loại yếu. Thông tin thứ cấp được thu thập từ các cơ quan của thành phố Hà Nội cho đến năm 2020. Thông tin sơ cấp được thu thập năm 2020 với 6 chuỗi chọn nghiên cứu tình huống bằng cách trao đổi với các tác nhân và quan sát thực địa. Các phương pháp phân tích bao gồm nghiên cứu tại bàn, so sánh, đối chiếu..

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng các chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn của thành phố Hà Nội

4.1.1. Số lượng và khả năng cung ứng sản phẩm của các chuỗi

Số lượng các CCU sản phẩm chăn nuôi của Hà Nội ngày càng tăng lên, năm 2020 đã có 46 Chuỗi trong đó: Các chuỗi do doanh nghiệp chủ trì chiếm tới gần 72%, số còn lại do Hợp tác xã và hội chăn nuôi. Các chuỗi chuyên từng loại sản phẩm chăn nuôi chiếm 87%, chuỗi hỗn hợp nhiều loại chiếm 13% (Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, 2020). Đối chiếu với lý luận thì không có loại chuỗi hỗn hợp vì chuỗi phải gắn với sản phẩm cụ thể, nhưng Hà Nội có chuỗi hỗn hợp vì trên thực tế, có những khách hàng đặt mua cả gói. Điều này cần có thêm thời gian nghiên cứu tiếp.

Nguồn cung sản phẩm chăn nuôi cho thành phố Hà Nội gồm cả sản phẩm của Hà Nội và sản phẩm từ bên ngoài. So sánh nhu cầu với nguồn cung cho thấy khả năng đáp ứng của các chuỗi.

Bảng 1: Nhu cầu và mức đáp ứng sản phẩm chăn nuôi của Hà Nội (tính trên 1 tháng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhu cầu của Hà Nội	Do Hà Nội cung cấp	Trong đó cung từ các chuỗi (%)
1. Thịt lợn	Tấn	18594	17500	10,3
2. Thịt gia cầm	Tấn	6198	10671	10,1
3. Thịt trâu bò	Tấn	5350	1032	5,8
4. Trứng	Triệu quả	123,9	116,7	7,7
5. Sữa tươi	Tấn	1115	2833	84,7

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội (2020).

Hà Nội cơ bản đảm bảo nhu cầu các sản phẩm chủ yếu như thịt lợn và trứng, thịt gia cầm và sữa vượt nhu cầu, thiếu hụt nhất là thịt trâu bò nhưng riêng số cung từ các chuỗi không đáng kể (trừ chuỗi sữa) và có sự chênh lệch lớn giữa các chuỗi.

Bảng 2: Tình hình cung ứng của các chuỗi (tính trên 1 ngày)

Chỉ tiêu	Trứng (quả)	Thịt lợn (Tấn)	Thịt bò (Tấn)	Thịt gia cầm (Tấn)	Sữa (Tấn)
Tính với tất cả các chuỗi*					
Tổng	260493	49,49	2,25	13,04	90
BQ/chuỗi	65123	2,15	1,13	1,00	45
Nhiều nhất	90000	15,00	1,25	6,00	50
Ít nhất	30000	0,10	1,00	0,10	40
Tính với 6 chuỗi chọn nghiên cứu tình huống					
1. A-Z		2			
			30 tổ chức và 100 cá nhân		
2.Thực phẩm	5000	1		0,3	
Organic Green			5 tổ chức và 1000 cá nhân		
3.Thịt lợn sạch		1,2			
Phúc Thọ			4 tổ chức và 100 cá nhân		
4. Gà đồi Ba Vì				0,2	
	Một số bếp ăn và 4100 cá nhân				
5.Thực phẩm	80 000			0,1	
Tiên Viên			66 đơn vị và 10 cá nhân		
6. Sữa Ba Vì					40
			Bán qua 2 cửa hàng giới thiệu sản phẩm và đại lý ở 40 tỉnh thành		

Nguồn: Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội (2021).

Về chứng nhận an toàn thì chỉ một số chuỗi được cấp nhưng chưa thật đồng bộ mà mới ở từng công đoạn. Trong 46 chuỗi thì 17 chuỗi có chứng nhận quy trình VietGAP chăn nuôi, 9 chuỗi có chứng nhận bảo hộ tài sản trí tuệ trong đó có 4 nhãn hiệu tập thể, 11 chuỗi đầu tiên đã hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu. Đây là một trong các nguyên nhân làm cho khách hàng chưa tin tưởng.

4.1.2. Đặc trưng của một số Chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn

Từ số liệu điều tra, thảo luận và quan sát thực tế tại các chuỗi chọn nghiên cứu tình huống cho thấy một số đặc trưng chung như sau:

Tất cả các chuỗi đều có đầy đủ các công đoạn. Bố trí các công đoạn của các chuỗi thịt và trứng tương

Hình 2: Các công đoạn của chuỗi thịt và trứng

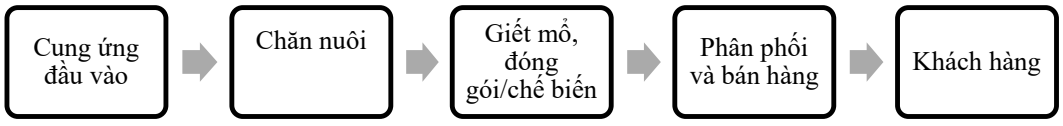

Hình 3: Các công đoạn của chuỗi sữa

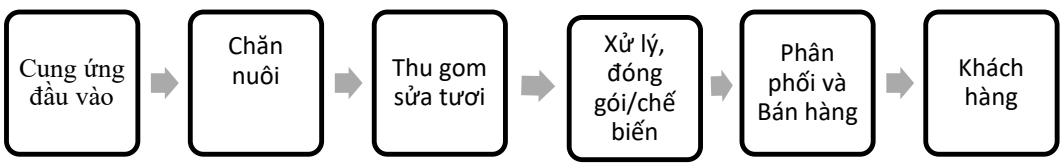

Nguồn: Tác giả thiết kế dựa trên quan sát các chuỗi.

tự nhau. Lợn hơi và gà lông sẽ được giết mổ để đưa đi bán hoặc lưu kho dưới dạng thịt mát. Trứng sẽ đóng hộp, xử lý và chuyển đi bán hoặc lưu kho một thời gian ngắn. Riêng với chuỗi sữa thì có thêm công đoạn thu gom tại các xã vì mỗi ngày phải vắt sữa 2 lần sau đó mới chuyển về nhà máy để xử lý, đóng hộp, đóng chai.

Có nhiều tác nhân tham gia trực tiếp, gián tiếp và hỗ trợ nhưng quan trọng nhất là các tác nhân tham gia trực tiếp. Chủ trì chuỗi thường là các đơn vị kinh tế như doanh nghiệp, hợp tác xã. Một số chuỗi do hội chăn nuôi chủ trì là không hợp lý vì hội chỉ là đơn vị xã hội nghề nghiệp. Cung ứng đầu vào có thể là chủ trì chuỗi, doanh nghiệp hoặc thị trường tự do. Chăn nuôi và thu gom đều do hộ nông dân. Chế biến/giết mổ/xử lý do chủ trì hoặc cơ sở thành viên. Tác nhân tiêu thụ là chủ trì hoặc các đại lý của chuỗi. Như vậy, vai trò của các tác nhân khá rõ ràng.

Các chuỗi đã thể hiện rõ dòng vật chất và dòng thông tin theo chiều ngược lại nhưng sự chủ động và đầy

Bảng 3. Các tác nhân chính tham gia chuỗi

Tên chuỗi	Chủ trì	Cung ứng	Chăn nuôi	Thu gom	Giết mổ/chế biến/Xử lý	Tiêu thụ
1.Thực phẩm A-Z	Hợp tác xã Hoàng Long	Giống: Doanh nghiệp giống Thức ăn tinh: Chủ trì	Hộ nông dân		Chủ trì	Chủ trì
2.Thực phẩm Organic Green	Công ty Organic Green	Giống: Doanh nghiệp giống và thị trường Thức ăn tinh: Chủ trì	Hộ nông dân		Cơ sở thành viên	Chủ trì
3.Thịt lợn sạch Phúc Thọ	Hợp tác xã sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Phúc Thọ	Chủ yếu Chủ trì	Hộ nông dân		Cơ sở thành viên	Chủ trì
4.Gà đồi Ba Vì	Hội chăn nuôi gà	Giống và thức ăn tinh: Thị trường, một ít từ giết nổ	Hộ nông dân		Cơ sở thành viên	Giết mổ Đại lý
5.Thực phẩm Tiên Viên	CT Tiên Viên	Giống và thức ăn tinh: Chủ trì	Hộ nông dân		Chủ trì	Chủ trì
6.Sữa Ba Vì	CT sữa Ba Vì	Giống và thức ăn tinh: Chủ trì	Hộ nông dân	Hộ nông dân	Chủ trì	Chủ trì và Đại lý

Nguồn: Tác giả thiết kế dựa trên nghiên cứu 6 chuỗi.

đủ thì có sự khác nhau. Các chuỗi A-Z, Tiên Viên, Sữa thường có kế hoạch từ trước dựa trên các hợp đồng nên luồng sản phẩm tương đối ổn định và phát triển, chủ trì nắm được yêu cầu về số lượng, chất lượng từ khách hàng nên đã truyền đạt thông tin cho các khâu trong chuỗi một cách chủ đông. Các chuỗi còn lại vẫn bị động khâu tiêu thụ vì chưa nắm chắc được thông tin khách hàng, phải chờ tin đặt hàng rồi mới giết mổ nên bị động.

4.1.3. Yếu tố ảnh hưởng tới phát triển các chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn của thành phố Hà Nội

Tổ chức chuỗi: Việc này liên quan tới việc hình thành các công đoạn trong chuỗi, vai trò của chủ trì chuỗi và tổ chức thực hiện các nguyên tắc của chuỗi. Ảnh hưởng tích cực của tổ chức chuỗi là đơn giản, các tác nhân ở gần và linh hoạt nhưng có hạn chế như sản phẩm chưa đa dạng, chỉ phục vụ được khách gần, vị trí bán hàng ở xa trung tâm, một số chủ trì chuỗi chưa phù hợp, ít giao dịch qua hợp đồng tuyên truyền quảng bá theo phong trào, sao chép tin tức.

Hợp tác giữa các tác nhân có mặt tích cực là số lượng ít, có quan hệ họ hàng hoặc quen biết lâu dài, phần lớn đều xuất phát từ nông dân hoặc có quan hệ với nông dân nên xử lý các quan hệ đơn giản, ít xảy ra xung

đột, một số chuỗi quan hệ chặt chẽ theo hợp đồng như chuỗi sữa, chuỗi A-Z. Mặt hạn chế là nhiều chuỗi hợp tác lỏng lẻo, không có hợp đồng rõ ràng mà chỉ thỏa thuận miệng, giấy viết tay, hợp đồng nguyên tắc. Hạn chế nhất là hợp tác với nông dân long lẻo nên nông dân chủ yếu chủ yếu giao dịch trên thị trường tự do. Thông tin của chuỗi không thường xuyên, không rõ ràng và hệ thống.

Mặt tích cực về phía khách hàng là họ đều có nhu cầu thực phẩm an toàn, ở gần, giao dịch thường xuyên, khách hàng tổ chức thường giám sát giám sát và giao dịch qua hợp đồng với nhu cầu ổn định giúp chuỗi chủ động. Khách hàng cá nhân chủ yếu là các gia đình có người lớn tuổi, người bệnh, trẻ nhỏ với nhu cầu ngày càng tăng. Mặt hạn chế là số lượng giao hàng nhỏ, phân tán và thường trong cùng múi thời gian nên khó khăn trong vận chuyển và kiểm soát chất lượng hàng, đa số khách hàng của chuỗi có thu nhập ở mức trên trung binh hoặc khá nên thường cân nhắc và so sánh giá với các nơi cung khác.

Chính sách hỗ trợ: Ảnh hưởng tích cực của chính sách thể hiện qua việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm tăng tỷ trọng chăn nuôi tới 58% vào năm 2030, quy hoạch phát triển chăn nuôi theo vùng tập trung và xã trọng điểm, quyết định hỗ trợ các chuỗi chăn nuôi giai đoạn 2016-2020, tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm . Một số hạn chế của chính sách hỗ trợ là: Giám sát hỗ trợ chưa chặt chẽ và thường xuyên nên một số chuỗi bị đứt gãy, tuyên truyền quá mức so với thực tế nên một số chuỗi cũng thận trọng, chưa ổn định việc giao đơn vị quản lý chuỗi nên thông tin chưa hệ thống và đầy đủ, chậm triển khai các chính sách hỗ trợ theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP (Chính phủ, 2018) mặc dù dòng ngân sách triển khai Nghị định của Hà Nội khá lớn.

4.2. Một số đề xuất thúc đẩy phát triển các chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn của thành phố Hà Nội

4.2.1. Hoàn thiện việc xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm chăn nuôi an toàn

Để CCU phát triển bền vững thì trước hết phải có quy trình xây dựng chuỗi đúng nguyên tắc, linh hoạt nhưng không tùy tiện. Một số điểm cần triển khai gồm:

Trang bị kiến thức về Chuỗi cho cán bộ nhà nước và các đơn vị kinh doanh nhằm thống nhất cách hiểu về các loại chuỗi, sản phẩm của chuỗi, tên gọi các chuỗi.

Củng cố, nâng cấp các chuỗi hiện có vì các chuỗi này đã qua chọn lọc, cạnh tranh, được xác nhận nhưng cần cũng cố, hoàn thiện, nâng cấp từng khâu, từng mối quan hệ, từng hoạt động để chống đứt gãy.

Xây dựng các chuỗi mới đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng. Việc này cần thực hiện đúng nguyên tắc để có hình mẫu phổ biến rộng và không phải chỉnh sửa. Tập trung vào các chuỗi còn thiếu vắng trên thị trường để giảm nhập khẩu và hướng vào các nhu cầu cao cấp.

4.2.2. Tăng cường phối hợp giữa các tác nhân nhằm nâng cao năng lực của chuỗi

Xây dựng chuỗi mới là kết quả ban đầu để tăng số lượng chuỗi nhưng mục đích cuối cùng phải làm cho chuỗi hoạt động ổn định bền vững và phát triển. Muốn vậy phải tăng năng lực của chuỗi và các tác nhân bằng cách:

Xây dựng quy chế hoạt động của chuỗi theo nguyên tắc các công đoạn tự kiểm soát lẫn nhau. Mỗi chuỗi phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để làm căn cứ xử lý vi phạm hợp đồng trong nội bộ chuỗi.

Tạo cơ chế hỗ trợ, chia sẽ lợi ích, khó khăn, rủi ro giữa các tác nhân bằng cách cung cấp thông tin rõ ràng cho nội bộ chuỗi, sử dụng chéo tối đa sản phẩm dịch vụ của các tác nhân trong chuỗi.

Mỗi tác nhân phải có trách nhiệm và có khả năng kiểm soát tác nhân đứng trước và thực hiện quy định của tác nhân đứng sau. Bên tiêu thụ có yêu cầu với bên giết mổ và giám sát bên giết mổ, bên giết mổ có yêu cầu với bên trang trại và giám sát trang trại. Nâng cao năng lực của chuỗi và từng tác nhân đều liên quan đến các nguồn lực, các công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức kinh doanh, năng lực người điều hành, năng lực liên kết hợp tác theo nguyên tắc hợp đồng kinh tế.

Để sản phẩm của chuỗi đạt tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm thì mỗi tác nhân trong từng công đoạn đều phải thực hiện quy định của chuỗi cho công đoạn của mình như thực hiện quy định về tiêu chuẩn sản xuất, về giấy chứng nhận, thương hiệu, nhãn hiệu, tem mác, bảng giá.

Chủ trì chuỗi có vai trò quyết định cho sự thành bại của chuỗi nên phải có năng lực toàn diện nhưng trước hết là năng lực quản lý chuỗi, tìm kiếm thị trường, gánh chịu rủi ro, chia sẽ lợi ích. Để tạo năng lực thì chủ trì chuỗi phải khảo sát nắm rõ thị trường, có tri thức quản lý, có vốn, có cơ sở vật chất, có khả năng dự trữ. Chủ trì chuỗi có thể hoạt động nhiều khâu nhưng quan trọng nhất nên tập trung vào tiêu thụ, marketing, cung cấp thông tin;

Các tác nhân khác có những chức năng riêng như chăn nuôi, cung ứng đầu vào, giết mổ, bán hàng. Năng lực của từng tác nhân là thực hiện đúng cam kết và kế hoạch đã thỏa thuận với toàn chuỗi để tạo ra sự ăn khớp, nhịp nhàng, kịp thời, đúng tiến độ.

4.2.3. Phát triển khách hàng của các chuỗi cung ứng

Khách hàng quyết định cho sự tồn tại và phát triển các chuỗi nên cần hướng vào một số điểm như sau:

Các chuỗi chủ động xác định khách hàng mục tiêu, truyền thống và tiềm năng. Trước hết giữ ổn định khách hàng truyền thống bằng cách đảm bảo chất lượng và giá bán ổn đinh, cũng cố niềm tin. Khai thác tối đa các khách hàng tổ chức như bếp ăn tập thể, nơi cung ứng bữa ăn cho trường học, bệnh viện.

Đa dạng hóa hình thức bán hàng và các dịch vụ thông qua bán trực tiếp hoặc qua đại lý, qua mạng. Bán sản phẩm như hiện tại hoặc kèm dịch vụ giúp nấu ngay, ăn ngay. Có chính sách khuyến khích tích điểm chiết khấu. Tổ chức hội nghị khách hàng, thử nếm sản phẩm.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, tuyên truyền, quảng bá các chuỗi: Để theo dõi, đánh giá chuỗi thì cần có cơ sở dữ liệu rõ ràng, cập nhật và theo khuôn mẫu chung. Cơ sở dữ liệu cung cấp cho bên ngoài sẽ giúp cơ quan quản lý và người tiêu dùng giám sát và tăng lòng tin với chuỗi. Cơ sở dữ liệu nôi bộ để quản lý và giám sát lẫn nhau. Truyền thông, quảng bá xúc tiến cho các chuỗi cần đa dạng hóa bằng nhiều hình thức. Một mặt các chuỗi phải tự truyền thông cho mình, mặt khác phải dựa vào các hoạt động hỗ trợ từ thành phố và các tổ chức nghề nghiệp. Trong quảng bá cần tránh lạm dụng, sai lệch, chậm trễ, thổi phồng.

4.2.4. Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng kịp thời và phù hợp

Các chính sách hỗ trợ của thành phố Hà Nội cho phát triển các chuỗi về mặt vĩ mô đã khá mạnh mẽ, nhưng việc triển khai trên thực tế thì còn rất nhiều cản trở nhất là về cơ chế nên không giải ngân được đầu tư công gắn với CCU. Một số đề xuất như từ nghiên cứu:

Thành phố phải xác định phát triển CCU là trách nhiệm chung của nhiều sở ban ngành chứ không phải việc riêng của ngành nông nghiệp. Các sở ban ngành rà soát chỉnh lý những vướng mắc của từng lĩnh vực, chỗ nào các sở ban ngành không giải quyết được thì thành phố phải đứng ra điều hành. Sở nông nghiệp được phân công trách nhiệm chính trong tổng hợp, rà soát, đánh giá, cung cấp thông tin và hỗ trợ thúc đẩy các chuỗi cần có các đề xuất chi tiết về những vướng mắc trong từng vấn đề để thành phố ban hành văn bản cụ thể đặc biệt là các vấn đề liên quan đến việc triển khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (Chính phủ, 2018) và Quyết định 2085/QĐ-UBND (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, 2021).

Các hướng dẫn, quy định, cơ chế chính sách cần rất rõ ràng, dễ hiểu, thống nhất giữa các cơ quan với các định mức hợp lý, hợp điều kiện của Hà Nội. Cần nghiên cứu kinh nghiệm của các địa phương khác trong việc tháo gở khó khăn trong triển khai các dự án CCU.

Chính sách hỗ trợ không nên phân bổ công bằng mà cần chọn các chuỗi trọng điểm, hỗ trợ đồng bộ cho tất cả các công đoạn, các tác nhân trong chuỗi với nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư, hỗ trợ có đối ứng, hỗ trợ kịp thời. Tập trung hỗ trợ các chuỗi xuất xứ từ các vùng chăn nuôi tập trung và xã trọng điểm .

Triển khai kịp thời Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình 04 của Thành ủy vì dòng kinh phí đã được phê duyệt hơn 1000 tỷ trong đó hỗ trợ từ ngân sách hơn 366 tỷ nhưng đến nay vẫn chưa triển khai được vì vướng cơ chế

5. Kết luận

Các CCU sản phẩm chăn nuôi an toàn của Hà Nội đã phát triển nhanh về mặt số lượng nhưng vẫn còn nhiều bất cập như quy mô nhỏ, mức độ đáp ứng nhu cầu thấp, tỷ lệ đạt các chứng nhận an toàn có khả năng truy xuất thấp, quan hệ giữa các tác nhân lỏng lẻo, giao dịch chủ yếu trên thị trừng tự do, tổ chức và theo

dõi thông tin chưa hoàn thiện, năng lực chưa cao, quản lý của chủ trì chuỗi chưa hoàn thiện, ràng buộc hợp đồng giữa các tác nhân còn lỏng lẽo, chỉ một số nhỏ sản phẩm chăn nuôi của các hộ tham gia được gắn với chuỗi. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển các chuỗi gồm công tác tổ chức chuỗi, sự phối hợp giữa các tác nhân, khách hàng của chuỗi và chính sách hỗ trợ của thành phố. Các yếu tố đã có tác động tích cực nhưng cũng có những tác động hạn chế.

Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển các CCU sản phẩm chăn nuôi an toàn của Hà nội như: Hoàn thiện việc tổ chức xây dựng chuỗi, tăng cường phối hợp giữa các tác nhân nhằm nâng cao năng lực của các chuỗi, phát triển khách hàng tổ chức và khách hàng các nhân, triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi một cách kịp thời và hợp lý.

Tài liệu tham khảo

Ar Racking (2021), *Supply chain: what it is and its characteristics*, last retrieved on January 29th 2023, from <https://www.ar-racking.com/en/news-and-blog/storage-solutions/quality-and-security/supply-chain-what-it-is-and-its-characteristics>.

Blume Global (2023), *The history and evoluation of the global supply chain*, last retrieved on January 29th 2023, from <https://www.blumeglobal.com/learning/history-of-supply-chain/>.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2015), *Quyết định ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP)*, ban hành ngày 10 tháng 11 năm 2015.

Chính phủ (2018), *Nghị định số về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*, ban hành ngày 5 tháng 7 năm 2018.

Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội (2021), *Báo cáo kết quả hoạt động của 141 chuỗi trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.

Crandall, E.R., Crandall, R.W. & Crandall C. (2015), *Principles of Supply Chain Management, Second edition*, CRC Press, Taylor & Francis Group, LLC.

Đào thế Anh, Hoàng Xuân Trường, Hoàng Thanh Tùng, Phạm Công Nghiệp, Trịnh Văn Tuấn, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Diệu Linh & Trương Khánh Tấn (2020), *Phát triển chuỗi giá trị nông sản, thực phẩm an toàn bền vững ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp và Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

Đặng Thu Hương (2019), 'Quản lý chất lượng trong chuỗi cung ứng thịt gia súc gia cầm ở Việt Nam', Luận án tiến sỹ kinh tế, Đại học Thương mại.

Huỳnh Thị Thu Sương (2012), 'Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hợp tác trong chuỗi cung ứng đồ gỗ, trường hợp nghiên cứu: vùng Đông Nam Bộ', Luận án tiến sỹ Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Hugos M. (2011), *Essentials of Supply Chain Management*, Third Edition, John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey, Canada.

Lương Minh Cường & Đỗ Kim Chung (2017), 'Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển chuỗi cung ứng ba ba cho các nhà hàng', Tạp chí Kinh tế và Quản lý, 22(46-2017), 36-42.

Mentzer J.T., William, D., James, S.K., Soonhong, M., Nancy, W.N., Carlo, D.S. & Zach, G.Z. (2011), 'Defining supply chain management', *Journal of Business Logistics*, 22(2), 1-25. DOI: https://doi.org/10.1002/j.2158-1592.2001.tb00001.

Ni, Z. & Chen, J. (2019), 'Toward Livestock Supply Chain Sustainability: A Case Study On Supply Chain Coordination and Sustainable Development in the Pig Sector in China', *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 16(18).

Nguyễn Bảo Ngọc (2021), *Nghiên cứu chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn tại thị trường thành phố Hà Nội*, Truy cập ngày 29 tháng 1 năm 2023, từ <https://tailieumienphi.vn/doc/nghien-cuu-chuoi-cung-ung-thuc-pham-an-toan-tai-thi-truong-thanh-pho-ha-noi-ntbiuq.html>.

Nguyễn Thành Hiếu (2015a), *Quản trị HTX trong chuỗi cung ứng*, Xuất bản lần thứ I, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Nguyễn Thành Hiếu (2015b), *Quản trị chuỗi cung ứng*, Xuất bản lần thứ 1, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Nguyễn Thị Bích Ngọc (2015), 'Nghiên cứu chuỗi cung ứng sản phẩm thịt lợn trên địa bàn huyện Hương Sơn, Hà tĩnh', Luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Nguyễn Văn Phương (2016), *Nghiên cứu chuỗi cung ứng gà đồi Yên Thế cho thị trường Hà Nội. Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Prasetyani, D., Ardianto, D.T. & Firdaus, A. (2021), 'Integration of livestock supply chain strategy as part of the creative economy and creative industry in Indonesia: literature review', *The 1st International Conference on Livestock in Tropical Environment (ICLiTE-1) IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science*. DOI: 10.1088/1755-1315/902/1/012051.

Quốc hội (2018), *Luật chăn nuôi, Luật số: 32/2018/QH14*, ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Rikolto Worldwide (2021), *Hướng đến hệ thống thực phẩm đô thị an toàn và hiệu quả*, truy cập ngày 29 tháng 1 năm 2023, từ <https://indonesia.rikolto.org/en/node/3544t>.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội (2020), *Báo cáo tổng kết công tác hợp tác phát triển chuỗi cung cấp rau, thịt, nông sản an toàn cho thành phố Hà Nội giai đoạn 2015- 2020*, Hà Nội.

Trần Hữu Cường (2012), *Từ Marketing đến chuỗi giá trị nông sản và thực phẩm*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Trương đình Chiến (2020), Một số vấn đề về phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cho thị trường nội thành Hà Nội, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2023, từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-van-de-ve-phat-trien-chuoi-cung-ung-san-pham-nong-nghiep-huu-co-cho-thi-truong-noi-thanh-ha-noi-71776.htm>.

Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2015), *Quyết định số 5818/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Dự án "Xây dựng chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020"*, ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2015.

Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020 và kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*, ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2020.

Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2021), *Quyết định phê duyệt Kế hoạch Phát triển nông nghiệp theo chuỗi giai đoạn 2021-2025*, ban hành ngày 11 tháng 5 năm 2021.